

**ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN**

| STT | Quy chế quản trị hiện hành  | Quy chế quản trị dự thảo   | Căn cứ sửa đổi                    |
|-----|---|--|-----------------------------------|
| 1   | <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>1. Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đức Quân được xây dựng căn cứ theo các văn bản pháp luật như sau:</p> <p>a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;</p> <p>c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11;</p> <p>d. Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam;</p> <p>e. Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p> <p>f. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p> | <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>1. Quy chế nội bộ về Quản trị công ty được ban hành phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp bao gồm Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, và Tổng giám đốc.</p> <p>2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>3. Quy chế nội bộ về Quản trị công ty áp dụng cho các đối tượng như sau:</p> <p>a) Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đức Quân;</p> <p>b) Cổ đông Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;</p> <p>c) Thành viên HĐQT, thành viên UBKT trực thuộc HĐQT, người điều hành doanh nghiệp của công ty đại chúng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;</p> | Sửa đổi nội dung theo Quy chế mẫu |

|   |  |  |                |
|---|--|--|----------------|
|   | <p>g. Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đức Quân.</p> <p>2. Quy chế nội bộ về Quản trị công ty được ban hành phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp bao gồm Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Tiểu ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, và Tổng giám đốc.</p> <p>3. Quy chế nội bộ về Quản trị công ty áp dụng cho các đối tượng như sau:</p> <p>a. Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đức Quân;</p> <p>b. Cổ đông Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;</p> <p>c. Thành viên HĐQT, thành viên UBKT trực thuộc HĐQT, người điều hành doanh nghiệp của công ty đại chúng và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>d. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.</p> | <p>d) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.</p>   |                |
| 2 | <b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</b>  | <b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</b>  | Không thay đổi |
| 3 |  | <p><b>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.</li> <li>- Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</li> </ul> | Bổ sung mới    |

|   |  |   |             |
|---|--|---|-------------|
| 4 |  | <p><b>Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p><b>1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:</b></p> <p>a) Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán.</li><li>- Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</li><li>- Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</li></ul> | Bổ sung mới |
|---|--|---|-------------|

|   |   |  |   |
|---|---|--|---|
|   |   | <p>b) Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường được tiến hành theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.</p>   |   |
| 5 | <p><b>Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>  | <p><b>3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>  |   |
| 6 | <p><b>Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:</b></p> <p>a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.</p> <p><b>4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:</b></p> <p>b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có</li> </ul> | <p><b>5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>a) Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:</b></p> <p>(i) Chủ tịch HĐQT hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà chưa có văn bản ủy quyền cho thành viên HĐQT khác thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.</p> <p><b>d) Ban kiểm tra tư cách đại biểu:</b></p> <p>(ii) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp</li> </ul> | <p>Sửa đổi theo Điều 146 Luật doanh nghiệp và Điều 19 Điều lệ Công ty</p> |

|   |   |  |   |
|---|---|--|---|
|   | quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành. | có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất <b>50%</b> số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.   |   |
| 7 | <b>Điều 5. Chuẩn bị cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>   | <p><b>6. Chuẩn bị cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>c) Kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp</b></p> <p><b>(i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm: họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</b></p> <p><b>(ii) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại tiết (i), Điểm c Khoản này;</li> </ul> | Bổ sung theo Điều 142 Luật doanh nghiệp |

|   |  |   |  |
|---|--|---|--|
|   |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty;</li> <li>- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</li> </ul>  |  |
| 8 | <p><b>3. Lập danh sách cổ đông</b></p> <p>Danh sách cổ đông được xác lập với mục đích:</p> <p>a. Xác định các cổ đông được quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông cần bao gồm thông tin về tất cả các cổ đông đã được đăng ký tại ngày đăng ký cuối cùng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ, tên;</li> <li>- Địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức.</li> <li>- Số lượng cổ phần từng loại;</li> <li>- Số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;</li> <li>- Địa chỉ thư điện tử, nếu có.</li> </ul> | <p><b>2. Lập danh sách cổ đông</b></p> <p>a) <b>Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>b) Danh sách cổ đông được xác lập với mục đích:</p> <p>(i) Xác định các cổ đông được quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông cần bao gồm thông tin về tất cả các cổ đông đã được đăng ký tại ngày đăng ký cuối cùng, bao gồm: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông; địa chỉ thư điện tử (nếu có).</p> | Sửa đổi bổ sung theo quy định tại Điều 141 Luật doanh nghiệp |

|    |   |  |   |
|----|---|--|---|
| 9  | <p><b>Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ</b></p> <p><b>2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội</b></p> <p>b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> | <p><b>7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ</b></p> <p><b>b) Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội</b></p> <p>(ii) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải <b>lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự</b> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:<br/> Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p>   | <p>Sửa đổi theo Điều 144 Luật doanh nghiệp</p>              |
| 10 | <p><b>3. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:</b></p>  | <p><b>8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:</b></p>   |   |
| 11 |   | <p><b>9. Điều kiện tiến hành</b></p> <p>a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên <b>50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</b></p> <p>b) Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <b>33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</b></p> <p>c) Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến</p> | <p>Bổ sung theo quy định tại Điều 145 Luật doanh nghiệp</p> |

|    |   |   |  |
|----|---|---|--|
|    |   | <p>hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> |  |
| 12 |   | <p><b>10. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản tùy từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>   | Bổ sung mới  |
| 13 | <p><b>Điều 7. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:</b></p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của HĐQT;</p> <p>c. Báo cáo của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</p> |   | Đề xuất bỏ do không yêu cầu trong Quy chế mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC |



|   |  |  |
|---|--|--|
| <p>e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Số lượng thành viên HĐQT;</p> <p>g. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT;</p> <p>i. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;</p> <p>j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;</p> <p>o. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> |  |  |
|---|--|--|

|    |  |  |                |
|----|--|--|----------------|
|    | <p>p. Quyết định Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p><b>2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</b></p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> |  |                |
| 14 | <b>Điều 8. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội</b>   | <b>11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội</b> | Không thay đổi |
| 15 | <b>Điều 9. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết</b>   | <b>12. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết</b>               | Không thay đổi |
| 16 | <b>Điều 10. Cách thức bỏ phiếu bầu cử</b>  | <b>13. Cách thức bỏ phiếu bầu cử</b>                   | Không thay đổi |

|    |   |  |                         |
|----|---|--|-------------------------|
| 17 | <p><b>Điều 11. Cách thức kiểm phiếu</b></p> | <p><b>14. Cách thức kiểm phiếu</b></p> <p>Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc kiểm phiếu ngay sau khi việc biểu quyết kết thúc;</p> <p>Sau khi kết thúc việc giơ Thẻ biểu quyết chung đối với từng nội dung cần thông qua tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm đếm và công bố kết quả biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề đã được biểu quyết.</p> <p>Trường hợp sử dụng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Ban Tổ chức chuẩn bị các hòm phiếu và các cổ đông thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín tại Đại hội. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề đã được biểu quyết.</p> <p>Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Tất cả các thành viên ban kiểm phiếu phải ký vào biên bản kiểm phiếu để xác nhận kết quả.</p> | <p>Bổ sung nội dung</p> |
|----|---|--|-------------------------|

|    |  |   |   |
|----|--|---|---|
| 18 |  | <p><b>15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</b></p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>b) Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>(i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>(ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>(iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>(iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của công ty;</p> <p>(v) Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>c) Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường</p> | Sửa đổi theo quy định tại Điều 148 Luật doanh nghiệp và Điều 21, 22 Điều lệ công ty |
|----|--|---|---|

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.</p> <p>d) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>đ) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>e) Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu</p> |  |
|--|--|---|--|

|    |   |  |  |
|----|---|--|--|
|    |   | tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.   |  |
| 19 | <b>Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu</b>  | <b>16. Thông báo kết quả kiểm phiếu</b>  | Không thay đổi                                   |
| 20 | <b>Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</b>   | <b>17. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</b><br>b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:<br>- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ Công ty;<br>- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. | Bổ sung nội dung theo Điều 151 Luật doanh nghiệp |
| 21 | <b>Điều 14. Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ</b><br>1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:<br>j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. | <b>18. Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ</b><br>a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:  | Sửa đổi bổ sung theo Điều 150 Luật doanh nghiệp  |

|    |  |  |  |
|----|--|--|--|
|    | <p>5. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>  | <p>+ <b>Họ, tên</b> và chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>d) Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> |  |
| 22 | <p><b>Điều 15. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</li> <li>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;</li> <li>e. Tổ chức lại, giải thể công ty.</li> </ul> <p>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức</p> | <p><b>19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>                      |  |

lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều này.

4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.



|    |   |   |   |
|----|---|---|---|
|    | 5. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp Luật Chứng khoán.  |   |   |
| 23 | <p><b>Điều 16. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b></p> <p>1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến</p> <p>a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;</li> <li>- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</li> </ul> | <p><b>Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <b>bất cứ lúc nào và bất kỳ nội dung nào</b> thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>Quy định về Phiếu lấy ý kiến</p> <p>a) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, <b>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</b> số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</li> <li>+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</li> </ul> | Sửa đổi theo Điều 149 Luật doanh nghiệp |

|    |  |   |             |
|----|--|---|-------------|
| 24 |  | <p><b>Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</b></p> <p>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>   | Bổ sung mới |
| 25 |  | <p><b>Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</li> <li>- Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 43 Điều lệ Công ty</li> </ul> | Bổ sung mới |

|    |   |  |                |
|----|---|--|----------------|
| 26 |   | <p><b>Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:</b></p> <p><b>1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b><br/> <b>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.</b> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p><b>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:</b></p> <p><b>a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</b><br/> Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> | Bổ sung mới    |
| 27 | <p><b>Điều 17. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>2. Thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> | <p><b>b) Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</b></p> <p><b>c) Thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</b></p>  | Không thay đổi |

|    |   |   |                |
|----|---|---|----------------|
| 28 | <p><b>Điều 18. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT</b></p> <p>a) Các cổ đông <del>nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</del> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tám (08) ứng viên trở lên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 33 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.</p> | <p><b>3. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT</b></p> <p>a) Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tám (08) ứng viên trở lên.</p> <p>b) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định <b>tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</b> Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định và phải được công bố rõ ràng <b>trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</b></p> |                |
| 29 | <p><b>Điều 19. Cách thức bầu thành viên HĐQT</b></p>  | <p><b>4. Cách thức bầu thành viên HĐQT</b></p>  | Không thay đổi |

|    |   |   |   |
|----|---|---|---|
| 30 | <p><b>Điều 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p><b>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> | Sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp |
| 31 | <p><b>Điều 21. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</b></p>  | <p><b>6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</b></p>  | Không thay đổi  |
| 32 | <p><b>Điều 22. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT</b></p>  | <p><b>7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT</b></p>  | Không thay đổi  |
| 33 |   | <p><b>8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</b></p> <p>Hội đồng quản trị có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>  | Bổ sung mới   |

|    |  |   |             |
|----|--|---|-------------|
|    |  | <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>   |             |
| 34 |  | <p><b>Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài</p> | Bổ sung mới |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>chính hàng năm của Công ty và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p> |  |
|--|--|---|--|

|    |                               |   |  |
|----|-------------------------------|---|--|
| 35 | <b>Điều 23. Cuộc họp HĐQT</b> | <p><b>Điều 10. Cuộc họp HĐQT</b></p> <p>4. Cách thức triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT:</p> <p>a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>b) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> | Bổ sung nội dung cho phù hợp với quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp |
|----|-------------------------------|---|--|



|    |  |   |   |
|----|--|---|---|
|    |  | <p>c) Cuộc họp trực tuyến của HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 9, Điều 30 Điều lệ Công ty.</p> <p>5. Biểu quyết của thành viên HĐQT tại cuộc họp HĐQT:</p> <p>Quy định về phạm vi, trách nhiệm biểu quyết của thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 11, 12 Điều lệ Công ty.</p>  |   |
| 36 | <b>Điều 24. Các tiểu ban thuộc HĐQT</b>  | <b>Điều 11. Các tiểu ban thuộc HĐQT</b>   | Không thay đổi                                |
| 37 | <b>Điều 25. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban</b>  | <b>Điều 12. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban</b>   | Không thay đổi                                |
| 38 |  | <p><b>Điều 13. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>   | Bổ sung mới                                   |
| 39 | <p><b>Điều 26. Thành phần Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>1. HĐQT lựa chọn và bổ nhiệm các thành viên Ủy ban kiểm toán.</p> <p>2. Ủy ban Kiểm toán phải có ít nhất một (01) thành viên độc lập HĐQT làm trưởng ban.</p> <p>3. Trưởng Ủy ban kiểm toán phải hội đủ các tiêu chuẩn theo các quy định pháp luật từng thời kỳ.</p> | <p><b>Điều 14. Thành phần Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>1. HĐQT lựa chọn và bổ nhiệm các thành viên <b>Ủy ban kiểm toán. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên.</b></p> <p>2. Ủy ban Kiểm toán phải có ít nhất một (01) thành viên độc lập HĐQT làm <b>Chủ tịch Ủy ban.</b> Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p><b>3. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật</b></p> | Bổ sung quy định theo Điều 33 Điều lệ Công ty |

|    |   |  |             |
|----|---|--|-------------|
|    |   | <p>và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p><b>4. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</b></p>   |             |
| 40 | <b>Điều 27. Quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán</b> | <p><b>Điều 15. Quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>Ngoài Quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều 44 Điều lệ Công ty, UBKT có quyền và trách nhiệm như sau: [...]</p>   |             |
| 41 |   | <p><b>Điều 16. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành</p> | Bổ sung mới |

|    |  |  |                |
|----|--|--|----------------|
|    |  | viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.  |                |
| 42 | <b>Điều 28. Quy chế Ủy ban kiểm toán</b><br>Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm soạn thảo Quy chế Ủy ban kiểm toán trong đó bao gồm các quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động, quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán cùng các vấn đề khác để trình HĐQT. | <b>Điều 17. Quy chế Ủy ban kiểm toán</b><br>Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm soạn thảo Quy chế Ủy ban kiểm toán trong đó bao gồm các quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động, quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán cùng các vấn đề khác để trình HĐQT <b>xem xét và trình ĐHĐCĐ thông qua.</b> |                |
| 43 | <b>Điều 29. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</b>  | <b>Điều 18. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</b>  | Không thay đổi |
| 44 | <b>Điều 30. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b>   | <b>Điều 19. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b>   | Không thay đổi |
| 45 | <b>Điều 31. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</b>  | <b>Điều 20. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</b>  | Không thay đổi |
| 46 | <b>Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b>   | <b>Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b>   | Không thay đổi |
| 47 | <b>Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b>  | <b>Điều 22. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</b>  | Không thay đổi |
| 48 | <b>Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và UBKT</b>   | <b>Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và UBKT</b>   | Không thay đổi |
| 49 | <b>Điều 35. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD</b>  | <b>Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và TGD</b>  | Không thay đổi |
| 50 | <b>Điều 36. Tiếp cận thông tin</b>   | <b>Điều 25. Tiếp cận thông tin</b>   | Không thay đổi |

|    |  |  |                |
|----|--|--|----------------|
| 51 | <b>Điều 37. Phối hợp hoạt động giữa UBKT và TGD</b>  | <b>Điều 26. Phối hợp hoạt động giữa UBKT và TGD</b>  | Không thay đổi |
| 52 | <b>Điều 38. Phối hợp giữa TGD và HĐQT</b>  | <b>Điều 27. Phối hợp giữa TGD và HĐQT</b>  | Không thay đổi |
| 53 | <b>Điều 39. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</b>  | <b>Điều 28. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</b>  | Không thay đổi |
| 54 | <b>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty</b><br>Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ như sau:<br>4. Tham dự các cuộc họp; | <b>Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty</b><br>Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ như sau:<br>4. Tham dự các cuộc họp; <b>Ghi chép các biên bản họp;</b> |                |
| 55 | <b>Điều 41. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</b>   | <b>Điều 30. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</b>   | Không thay đổi |
| 56 | <b>Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</b>   | <b>Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</b>   | Không thay đổi |
| 57 | <b>Điều 43. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</b>  | <b>Điều 32. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</b>  | Không thay đổi |
| 58 | <b>Điều 44. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên các tiểu ban thuộc HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác</b>                   | <b>Điều 33. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên các tiểu ban thuộc HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác</b>   | Không thay đổi |
| 59 | <b>Điều 45. Khen thưởng</b>  | <b>Điều 34. Khen thưởng</b>  | Không thay đổi |
| 60 | <b>Điều 46. Kỷ luật</b>  | <b>Điều 35. Kỷ luật</b>  | Không thay đổi |

|    |   |   |                |
|----|---|---|----------------|
| 61 | <b>Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</b> | <b>Điều 36. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</b> | Không thay đổi |
| 62 | <b>Điều 48. Ngày hiệu lực</b>   | <b>Điều 37. Ngày hiệu lực</b>   | Không thay đổi |